TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Ngọc và bà Lương Thùy Linh.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vi Thị B, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Bế Thị C, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/3/2024, lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B tự nguyện kết hôn với anh Hoàng Văn T năm 2017, trước khi kết hôn hai người có thời gian tự tìm hiểu, yêu nhau được 02 tháng, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán, tại thời điểm kết hôn cả hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 23/4/2019 vợ chồng

chị đã đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Cưới nhau về vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hoàng Văn T nghiện ma tuý, chị đã phát hiện ra ống tiêm trong nhà, chị có hỏi thì anh Hoàng Văn T không thừa nhận nhưng anh Hoàng Văn T đã lấy hết tài sản trong nhà để bán và sử dụng vào ma tuý, thậm trí còn lấy cả khung cửa đi bán, chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không nghe, không chịu tu trí làm ăn, khi không sử dụng ma tuý thì anh lại say rượu, không chịu đi kiếm tiền để nuôi sống bản thân và gia đình. Khi anh Hoàng Văn T đã nghiện nặng thì chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, chị đã về bên ngoại sinh sống, trong năm 2021 anh Hoàng Văn T đã được gia đình nội đưa đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện ma tuý tỉnh Lạng Sơn được 01 năm. Việc mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên nội ngoại đều biết, đều đã khuyên bảo anh Hoàng Văn T nhưng đến nay chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại anh Hoàng Văn T đã đi làm công nhân tại Thái Nguyên được gần 01 năm nay, thỉnh thoảng vẫn về nhà, nhưng không sang thăm vợ con. Trước khi làm đơn ly hôn chị đã liên lạc thông báo cho anh Hoàng Văn T biết nhưng anh Hoàng Văn T bảo không về và bảo chị cứ giải quyết vắng mặt. Từ khi ly thân đến nay cả hai không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, mỗi người sống một nơi không ai liên lạc nói chuyện với nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hoàng Thị Kim V, sinh ngày 29/02/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại mẹ con chị đang chung sống tại nhà bà ngoại, chị đi làm, có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra có ông bà ngoại, anh trai sẽ hỗ trợ, giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai. Chị đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng: Bà Bế Thị C vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bà là mẹ đẻ của chị Vi Thị B là mẹ vợ của anh Hoàng Văn T, bà không có mâu thuẫn gì với anh chị. Chị Vi Thị B và anh Hoàng Văn T kết hôn từ năm 2017, ở chung với gia đình nhà chồng, vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì, đến năm 2020 chị Vi Thị B phát hiện anh Hoàng Văn T nghiện ma túy, không chịu tu trí làm ăn. Khi biết việc anh Hoàng Văn T nghiện ma túy gia đình bên ngoại cũng khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn T không sửa chữa được và vẫn mắc nghiện ma túy, không tu trí làm ăn. Năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Hoàng Văn T đã đi cai nghiện bắt buộc và vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 chị Vi Thị B đưa con về bên ngoại sinh sống ở cùng gia đình bà, trong thời gian ly thân anh Hoàng Văn T đến thăm con một lần từ đó đến nay anh Hoàng Văn T không đến thăm con lần nào nữa. Nay bà thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, việc ly hôn

là do chị Vi Thị B quyết định.

Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim V, sinh ngày 29/02/2018, khi ly hôn chị Vi Thị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là hoàn toàn phù hợp. Từ năm 2021 đến nay bà và gia đình vẫn thường xuyên hỗ trợ, giúp đỡ chị Vi Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng con để chị Vi Thị B đi làm có thu nhập bảo đảm cho việc nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/3/2024, ông Hoàng Văn M - Trưởng Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Ông có quan hệ họ hàng với anh Hoàng Văn T. Quá trình chung sống giữa chị Vi Thị B và anh Hoàng Văn T tại thôn ông thấy họ chung sống với nhau tình cảm, không có mâu thuẫn gì, đến năm 2020 anh Hoàng Văn T có sử dụng chất ma túy, năm 2021 anh bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Vi Thị B đã đưa con về bên ngoại sinh sống từ năm 2021 đến nay. Năm 2022, ông gặp anh Hoàng Văn T có nói chuyện cho ông biết việc anh Hoàng Văn T nghiện ma túy, tuy đã đi cai nghiện về nhưng hiện nay anh vẫn nghiện và sử dụng ma túy, anh có nói nếu chị Vi Thị B xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị Vi Thị B. Trong tháng 3/2024 ông nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án nhờ ông giao cho anh Hoàng Văn T nhưng Hoàng Văn T không có mặt ở nhà (gia đình Hoàng Văn T không có người thân thích), ông đã đưa giấy tờ này cho em trai ruột của ông là Hoàng Văn S để chụp và đã gửi qua zalo cho Hoàng Văn T, Hoàng Văn T đã nhận và biết việc chị Vi Thị B xin ly hôn. Về con chung hai vợ chồng có một người con chung hiện cháu đang sinh sống ở bên nhà ngoại với chị Vi Thị B, ông không thấy anh Hoàng Văn T nói gì về việc khi anh chị ly hôn con chung do ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung: Ông không thấy vợ chồng anh Hoàng Văn T có tài sản gì. Về nợ chung vợ chồng anh Hoàng Văn T nợ ai không ông không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2024, Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Anh Hoàng Văn T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, anh Hoàng Văn T chưa khai báo tạm trú, tạm vắng đi đâu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn đã đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nhưng không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Vi Thị B và anh Hoàng Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 23/4/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021 do anh Hoàng Văn T nghiện ma tuý, không quan tâm, yêu thương nhau. Do vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Vi Thị B yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim V sinh ngày 29/02/2018, hiện nay đang sinh sống tại Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Vi Thị B có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Thị Kim V. Xét thấy từ khi hai vợ chồng ly thân con chung do chị Vi Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T hiện nay đi làm ăn xa, chị Vi Thị B có gia đình bên ngoại hỗ trợ chăm sóc, thu nhập hàng tháng từ 6 - 7 triệu đồng. Do đó để không xáo trộn cuộc sống, đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của con. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung là cháu Hoàng Thị Kim V cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng do chị Bình chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Văn T, cư trú tại Thôn Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị B vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện chị đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T đã biết việc Toà án thụ lý giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nhưng anh Hoàng Văn T không hợp tác, không đến Toà án để giải quyết vụ án. Anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Q xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, không cắt tạm trú tạm vắng đi đâu. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, anh Hoàng Văn T được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Bế Thị C vắng mặt tại phiên toà, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều

238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 23/4/2019, Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021 do anh Hoàng Văn T nghiện ma tuý dẫn đến cả hai còn còn không quan tâm, yêu thương nhau, đến nay vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hơn, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Vi Thị B và Hoàng Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị B là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim V, sinh ngày 29/02/2018. Từ khi bố mẹ sống ly thân con gái đã về chung sống với mẹ đẻ bên gia đình nhà ngoại, chị Vi Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Vi Thị B có đủ điều kiện, có công việc ổn định, có thu nhập, ngoài ra được gia đình bên ngoại hỗ trợ giúp đỡ, để đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện cho cho trẻ nhỏ, cần giao con chung cho chị Vi Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Vi Thị B chưa yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều

273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Hoàng Văn T. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 23, đăng ký ngày 23/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Kim V, sinh ngày 29/02/2018 cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vi Thị B chưa yêu cầu.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vi Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị B đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số: 0002288 ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thúy Huyền